UBND TỈNH BẮC GIANG **BAN DÂN TỘC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 285 /BC-BDT	*Bắc Giang, ngày* 08 *tháng 12 năm 2023*

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính nhà nước năm 2023

Căn cứ Công văn số 212/SNV-CCHC ngày 28/02/2022 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo công tác cải cách hành chính định kỳ; Ban Dân tộc tổng hợp, báo cáo công tác cải cách hành chính nhà nước năm 2023 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

1. Việc ban hành các văn bản chỉ đạo

Trong năm 2023 Ban Dân tộc đã xây dựng Ban Dân tộc đã xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai các nội dung liên quan đến công tác cải cách hành chính: Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Cải cách hành chính nhà nước năm 2023[1]; Kế hoạch thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính và cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2023[2]; Kế hoạch thực hiện công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính năm 2023[3]; Kế hoạch tuyên truyền Cải cách hành chính nhà nước năm 2023[4]; Kế hoạch thực hiện chuyển đổi số năm 20235; Kế hoạch kiểm tra công tác Cải cách hành chính năm 20236…Đưa nội dung Nâng cao hiệu quả công tác Cải cách hành chính, Chuyển đổi số, ISO tại Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang vào nội dung sinh hoạt Chuyên đề của Chi bộ, ngày 05/4/2023 Chi bộ đã ban hành Nghị quyết số 112-NQ/CB về việc nâng cao hiệu quả công tác Cải cách hành chính, Chuyển đổi số, ISO tại Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang. Thực hiện báo cáo đầy đủ.

2. Công tác kiểm tra CCHC

Thành lập Tổ kiểm tra Cải cách hành chính của Ban Dân tộc năm 2023 và ban hành Kế hoạch kiểm tra. Hoàn thành việc kiểm tra công tác cải cách hành chính tại các phòng, đơn vị; duy trì thường xuyên công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác cải cách hành chính tại các phòng, đơn vị chuyên môn và việc thực hiện công vụ, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, công chức trong cơ quan…

3. Công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC

Thực hiện Kế hoạch tuyên truyền CCHC nhà nước năm 2023 đã đề ra. Tiếp tục thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC với nhiều hình

---

[1] Kế hoạch số 33/KH-BDT ngày 14/01/2023, về thực hiện nhiệm vụ Cải cách hành chính nhà nước năm 2023;
[2] Kế hoạch số 34/KH-BDT ngày 14/01/2023, về thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính và cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2023;
[3] Kế hoạch số 03/KH-BDT ngày 03/01/2023, về thực hiện công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính năm 2023;
[4] Kế hoạch số 94/KH-BDT ngày 15/02/2023, về tuyên truyền Cải cách hành chính nhà nước năm 2023;
[5] Kế hoạch số 63/KH-BDT ngày 06/02/2023, về thực hiện chuyển đổi số năm 2023;
[6] Kế hoạch số 127/KH-BDT ngày 27/02/2023, về kiểm tra công tác Cải cách hành chính năm 2023.

thức như: Thực hiện thông tin, tuyên truyền thông qua Cổng thông tin điện tử Ban, Facebook, Zalo...đăng tải gần 30 tin, bài tuyên truyền liên quan đến công tác cải cách hành chính; lồng ghép việc thông tin, tuyên truyền CCHC, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính trong các cuộc họp của đơn vị, các hội nghị tuyên truyền; thực hiện công khai đầy đủ rõ ràng, trên Cổng thông tin điện tử của Ban, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tra cứu, tìm hiểu thông tin. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, quán triệt nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính trong thực thi nhiệm vụ, công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân tộc.

Trong năm 2023, căn cứ chức năng nhiệm vụ đã lồng ghép tuyên truyền cải cách hành chính tại 02 Hội nghị tập huấn tuyên truyền người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số *(01 Hội nghị tại UBND huyện Yên Thế và 01 Hội nghị tại thành phố Bắc Giang).*

4. Thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch UBND tỉnh giao

Trong năm 2023 tiếp tục chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm được phê duyệt và nhiệm vụ do Chủ tịch UBND tỉnh giao Trưởng Ban Dân tộc năm 2023. Các phòng, đơn vị chuyên môn thuộc Ban đã chủ động tham mưu xây dựng kế hoạch, phối hợp chặt chẽ với các phòng, đơn vị liên quan triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch đã đề ra. Ngoài việc triển khai thực hiện nhiệm vụ trong tâm và nhiệm vụ được giao, trong năm 2023, Ban Dân tộc đã tiếp nhận và triển khai thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ được Chủ tịch UBND tỉnh giao qua Hệ thống quản lý công việc.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

- Công tác xây dựng và ban hành văn bản QPPL: năm 2023, Ban Dân tộc không tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành văn bản QPPL;

- Công tác theo dõi thi hành pháp luật: Ban Dân tộc đã ban hành Kế hoạch số 963/KH-BDT ngày 29/12/2022 về thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật năm 2023, báo cáo kết quả thực hiện theo kế hoạch đề ra. Thực hiện hoàn thành 06 cuộc thanh tra, kiểm tra, nắm tình hình vùng đồng bào dân tộc thiểu số và việc thực hiện các chính sách dân tộc trên địa bàn các Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Lạng Giang.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: Thực hiện Kế hoạch số 43/KH-BDT ngày 19/01/2023 về công tác tuyên truyền phòng, chống ma tuý, số 50/KH-BDT ngày 31/01/2023 về công tác tuyên truyền, vận động và phổ biến, giáo dục pháp luật trong vùng đồng bào DTTS tỉnh Bắc Giang năm 2023, Ban Dân tộc phối hợp với các sở, ngành tổ chức được 37 hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công tác phòng, chống ma túy, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về công tác dân tộc giai đoạn 2021-2025 và một số chính sách đang thực hiện tại vùng dân tộc thiểu số cho

2.725 đại biểu là người có uy tín, Bí thư chi bộ, trưởng thôn, trưởng ban công tác mặt trận, chi hội trưởng chi hội nông dân, chi hội trưởng chi hội phụ nữ và các hộ dân trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở một số xã trên địa bàn các huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Lạng Giang. Tổ chức 02 hội thi tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc trong vùng đồng bào DTTS&MN ở 13 xã ĐBKK của huyện Sơn Động, Lục Ngạn với 75 thí sinh tham gia và hơn 500 người cổ vũ.

- Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL: Ban Dân tộc đã ban hành Kế hoạch số 966/KH-BDT ngày 29/12/2022 về việc kiểm tra, rà soát văn bản và công tác pháp chế 2023 nhằm đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống pháp luật góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, báo cáo kết quả thực hiện theo kế hoạch đề ra.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

2.1. Cải cách thủ tục hành chính

Rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hóa thủ tục hành chính: Thực hiện rà soát thủ tục hành chính nội bộ, kết quả Ban Dân tộc không có TTHC nội bộ cần rà soát.

- Cập nhật, công bố, công khai TTHC: Tiếp tục thực hiện công khai trên bảng thông báo của cơ quan, trên Cổng thông tin điện tử và niêm yết tại bộ phận một cửa.

- Trong năm 2023 Ban Dân tộc không nhận được ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức hoặc công dân về quy định hành chính, giải quyết TTHC. Tất cả quy trình tiếp nhận đơn thư của công dân đều được công chức xử lý theo đúng quy định, trong quá trình thực hiện Ban Dân tộc không có công chức vi phạm quy định về kiểm soát TTHC.

- Thực hiện chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai của Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, trong năm 2023, Ban Dân tộc đã trình UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh cho 01 TTHC.

2.2. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính:

- Thực hiện nghiêm túc các nội dung của Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 06/01/2023 Thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính và cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2023. Cử công chức thường trực tại bộ phận một cửa; tạo các nhóm trao đổi, hỗ trợ trực tuyến giữa tỉnh, huyện, xã về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực dân tộc.

- Xây dựng và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông: Các TTHC đều được xây dựng và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Thực hiện cập nhật TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC: Trong năm 2023 không có TTHC cần thay đổi.

- Thực hiện toàn bộ quy trình giải quyết hồ sơ TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC (từ tiếp nhận, xử ký, ký duyệt, đính kết quả, trả kết quả): Các TTHC thực hiện tại Ban Dân tộc ở mức độ 4 nên đều được xử lý trên phần mềm một cửa điện tử. Tiếp nhận, theo dõi và giải quyết hồ sơ đúng quy trình theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Trong năm 2023, Ban Dân tộc đã tiếp nhận hồ sơ từ 06 huyện và trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh sách 522 người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2023 – 2027; tiếp nhận và giải quyết trện hệ thống một cửa điện tử 01 hồ sơ đề nghị kiện toàn, bổ sung danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

Thực hiện Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 23/01/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự Ban Dân tộc tỉnh. Ban Dân tộc đã sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy trong tháng 3/2021. Đến nay cơ cấu tổ chức bộ máy đã ổn định, tinh gọn, hoạt động đã đem lại hiệu lực, hiệu quả cao trong công việc.

Công tác tổ chức, bộ máy và quản lý sử dụng biên chế được Trưởng Ban Dân tộc chỉ đạo, thực hiện theo đúng quy định tại Đề án vị trí việc làm được duyệt; công tác kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức được Ban Dân tộc nghiêm túc triển khai thực hiện và báo cáo theo quy định[7]; đề cao trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ CCHC và thực hiện nghiêm việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; tăng cường, chủ động giải quyết nhiệm vụ, công việc được giao, trong đó đã quy định cụ thể các nội dung cần phải thực hiện đối với các phòng, đơn vị chuyên môn thuộc Ban, gắn kết quả của tiến độ, chất lượng của việc giải quyết công việc là cơ sở để xem xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, đánh giá phân loại công chức, viên chức và bình xét thi đua khen thưởng hàng năm.

Trong năm 2023, Lãnh đạo Ban Dân tộc đã chỉ đạo thực hiện tốt các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo quy định hiện hành; ban hành Quyết định[8] phân bổ chỉ tiêu biên chế hành chính năm 2023 cho các phòng, đơn vị thuộc Ban; xây dựng kế hoạch[9] Chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức

[7] Báo cáo số 252/BC-BDT ngày 13/11/2023, về Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự Ban Dân tộc năm 2023.
[8] Quyết định số 16/QĐ-BDT ngày 15/02/2023, về việc phân bổ chỉ tiêu biên chế hành chính năm 2023 cho các phòng, đơn vị thuộc Ban Dân tộc.
[9] Kế hoạch số 114/KH-BDT ngày 23/02/2023 của Ban Dân tộc.

năm 2023; tiếp nhận 02 công chức; thực hiện thủ tục nghỉ hưu theo chế độ và chuyển công tác đối với 02 đồng chí Phó Trưởng Ban Dân tộc.

4. Cải cách chế độ công vụ

Công tác tổ chức, bộ máy và quản lý sử dụng biên chế được thực hiện theo đúng quy định tại Đề án vị trí việc làm được duyệt; công tác kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức được Ban Dân tộc nghiêm túc triển khai thực hiện; người đứng đầu cơ quan, đơn vị luôn nêu cao tinh thần, trách nhiệm trong việc triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ CCHC và thực hiện nghiêm việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; tăng cường, chủ động giải quyết nhiệm vụ, công việc được giao, trong đó đã quy định cụ thể các nội dung cần phải thực hiện đối với các phòng, đơn vị chuyên môn thuộc Ban, gắn kết quả của tiến độ, chất lượng của việc giải quyết công việc là cơ sở để xem xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Thực hiện Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế, chính sách thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức; bố trí cán bộ, công chức theo Đề án VTVL đã được phê duyệt; xác định chỉ tiêu nâng lương trước thời hạn năm 2023. Thường xuyên quan tâm và giải quyết các chế độ, chính sách, tiền lương cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức kịp thời, đúng quy định

Thực hiện công tác đào tạo cán bộ theo đúng quy chế của Ban và văn bản quy định của UBND tỉnh. Đã xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023; cử 01 công chức tham gia bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh; 01 công chức tham gia bồi dưỡng Lãnh đạo quản lý lãnh đạo cấp phòng và tương đương; 01 cán bộ tham gia học và thi Chuyên viên cao cấp; cử 04 công chức tham gia lớp bồi dưỡng cập nhật, nâng cao kiến thức, năng lực hội nhập quốc tế; 01 công chức tham gia tập huấn về tập huấn công tác quản lý xuất cảnh, nhập cảnh; 09 công chức tham gia tập huấn về chuyển đổi số và công tác ISO...

Thường xuyên quan tâm và giải quyết các chế độ, chính sách, tiền lương cho công chức, người lao động kịp thời, đúng quy định. Đã thực hiện nâng lương trước hạn cho 02 công chức; nâng lương thường xuyên 01 lãnh đạo và 03 công chức; cho hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với 02 lãnh đạo và 02 công chức.

5. Cải cách tài chính công

Tiếp tục thực hiện các quy định về quản lý về tài chính đã được ban hành như: Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, Nghị định 117/2013/NĐCP ngày 07/10/2013 về Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện việc triển khai sử dụng và quản lý tốt số kinh phí được giao theo từng chương trình, chính sách, thực hiện chế độ chi đúng theo quy định hiện hành, không có tình trạng lãng phí, sử dụng của công,

tất cả tài chính đều được quản lý chặt chẽ theo quy định. Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách về tiền lương, tiền công, chính sách an sinh xã hội; luôn chủ động trong việc quản lý, sử dụng có hiệu quả, đúng quy định của pháp luật đối với nguồn kinh phí tự chủ; thường xuyên thực hiện các biện pháp kiểm soát chi tiêu ngân sách, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách được giao; thực hiện nghiêm túc các báo cáo: kết quả thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với công tác quản lý thu, chi ngân sách nhà nước, chống thất thu trên địa bàn tỉnh; đánh giá thực trạng kết quả thực hiện Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 11/7/2013 và Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh, về Quy định mức chi cho bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước và các hoạt động kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; xây dựng kế hoạch dự toán năm 2023 và giai đoạn 2023-2025.

Công tác quản lý và sử dụng tài sản công, các nguồn tài chính cơ quan được kiểm soát, quản lý chặt chẽ thông qua quy chế hoạt động của cơ quan và quy chế chi tiêu nội bộ. Căn cứ nguồn vốn được giao năm 2023 và chức năng nhiệm vụ của các phòng chuyên môn, Trưởng Ban Dân tộc đã ban hành các quyết định[10] giao nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch kinh phí cho các phòng, đơn vị thuộc Ban Dân tộc căn cứ tham mưu tổ chức thực hiện.

Các trang thiết bị làm việc, tài sản được trang bị trong cơ quan được quản lý theo đúng các quy định; hàng năm tiến hành kiểm kê (số lượng, chất lượng) xác định tài sản hiện còn, tài sản mất (lý do) và tài sản thanh lý; công chức, nhân viên phải có trách nhiệm trong quản lý, bảo vệ, sử dụng đúng mục đích tài sản được trang bị; sử dụng điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại được thực hiện theo đúng quy định, hạn chế thấp nhất tình trạng thất thoát, lãng phí. Công tác phòng, chống cháy nổ và bảo đảm an toàn lao động được thực hiện theo đúng quy định, Lãnh đạo Ban thường xuyên quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện về cơ sở vật chất để Tổ công tác an ninh, phòng chống cháy nổ của cơ quan hoạt động có hiệu quả[11].

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

6.1. Thực hiện chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của đơn vị

Triển khai thực hiện thường xuyên việc chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết nhiệm vụ chuyên môn; thực hiện đầy đủ các nội dung, tiêu chí đảm bảo hạ tầng kỹ thuật ứng dụng công nghệ thông tin; chủ động 5 xây dựng hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin phù hợp với nhu cầu ứng dụng thực tế của cơ quan và định hướng phát triển chung của tỉnh nhằm xây dựng Chính quyền điện tử. Luôn tăng cường tuyên truyền, phổ biến, nâng cao

---

[10] Quyết định số 37/QĐ-BDT ngày 03/4/2023, Về việc giao nhiệm vụ cho các phòng, đơn vị chuyên môn thuộc Ban Dân tộc tổ chức thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang, năm 2023; Quyết định số 39/QĐ-BDT ngày 05/4/2023, Về việc giao nhiệm vụ cho các phòng, đơn vị thuộc Ban Dân tộc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn năm 2023.

[11] Được thành lập theo Quyết định số 123/QĐ-BDT ngày 11/11/2020, về việc thành lập Đội phòng cháy, chữa cháy Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 127/QĐ-BDT ngày 08/8/2023, về việc thành lập Tổ tự quản đảm bảo an ninh trật tự và tài sản cơ quan Ban Dân tộc.

nhận thức về tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành trong cơ quan. Quan tâm, chú trọng đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức. Cổng Thông tin điện tử cung cấp các thông tin, hoạt động thuộc phạm vi quản lý của Ban, thủ tục hành chính; các tin, bài, văn bản chính sách được cập nhật thường xuyên, liên tục. Duy trì ứng dụng tốt phần mềm quản lý văn bản, sử dụng mail công vụ trong trao đổi công việc, 100% cán bộ, công chức được cấp và thường xuyên sử dụng hộp thư điện tử công vụ trao đổi công việc, hạn chế việc in ấn giấy tờ; tỷ lệ gửi nhận văn bản điện tử trong hệ thống đạt 100% theo quy định; việc ứng dụng chữ ký số được triển khai duy trì theo đúng quy định, tất cả các văn bản được gửi qua môi trường mạng đều được ký số trước khi phát hành; 100% văn bản đến được phân xử lý, lập hồ sơ, trao đổi và xử lý hoàn toàn trên môi trường mạng.

6.2. Áp dụng ISO trong hoạt động của đơn vị

Triển khai thực hiện các nội dung về xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 vào hoạt động của Ban Dân tộc năm 2023 theo Kế hoạch đề ra. Ban hành Kế hoạch[12] thực hiện xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 vào hoạt động của Ban Dân tộc năm 2023; Kế hoạch[13] đánh giá nội bộ việc thực hiện áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 năm 2023; Quyết định[3] phê duyệt mục tiêu chất lượng theo Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 của Ban Dân tộc; Quyết định[4] kiện toàn Ban Chỉ đạo ISO.

Thực hiện xây dựng, cải tiến, sửa đổi bổ sung các quy trình và quyết định[5] ban hành các Quy trình công nhận và đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023 - 2027, áp dụng theo Hệ thống quản lý chất lượng tại Ban Dân tộc phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

Lãnh đạo Ban thường xuyên quan tâm và chỉ đạo triển khai công tác xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến HTQLCL theo ISO 9001:2015. Cán bộ, công chức nghiêm túc triển khai, áp dụng các quy trình ISO trong xử lý công việc; Ban Chỉ đạo ISO đã thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng tại các phòng, bộ phận chuyên môn. Việc duy trì Hệ thống quản lý chất lượng tại các phòng, bộ phận chuyên môn năm 2023 đã có chuyển biến rõ rệt. Công việc của các phòng, bộ phận được thực hiện theo đúng chức

---

[12] Kế hoạch số 949/KH-BDT ngày 23/12/2022;

[13] Kế hoạch số 205/KH-BDT ngày 24/3/2023;

3 Quyết định số 14/QĐ-BDT ngày 07/02/2023

4 Quyết định số 28/QĐ-BDT ngày 24/3/2023

5 Quyết định số 188/QĐ-BDT ngày 13/10/2023

năng, nhiệm vụ được giao và tuân thủ theo các quy định, quy trình đã ban hành của Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Công tác cải cách hành chính luôn được Lãnh đạo Ban xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt và luôn được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, thống nhất triển khai đồng bộ, bám sát theo các chương trình, kế hoạch, hướng dẫn, chỉ đạo của tỉnh về cải cách hành chính.

- Thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn các phòng, đơn vị chuyên môn triển khai có trọng tâm, trọng điểm kế hoạch CCHC của Ban; công tác cải cách tổ chức bộ máy và cải cách chế độ công vụ được quan tâm thực hiện đúng quy định, thường xuyên, thống nhất, không chồng chéo; thủ tục hành chính thường xuyên được rà soát, kiểm soát; công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin được thực hiện tốt trong quản lý và điều hành nhiệm vụ chuyên môn; việc triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN 9001:2015 và thường xuyên đánh giá mức độ phù hợp của hệ thống được triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra.

2. Tồn tại, hạn chế

Kinh phí, nguồn lực dành cho cải cách hành chính còn hạn chế, chưa rõ ràng khoản mục; việc tuyên truyền về cải cách hành chính được thực hiện chủ yếu ở phòng Hành chính – Tổng hợp, và mới chỉ tuyên truyền trên Cổng Thông tin điện tử, Bản tin điện tử; tuyên truyền lồng ghép thông qua hội nghị, lớp tập huấn ở cơ sở của các phòng chuyên môn còn hạn chế; các phòng, đơn vị chưa có nhiều sáng kiến, giải pháp mới trong cải cách hành chính, nhất là sáng kiến được Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận.

Không có phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính được phê duyệt, do Ban Dân tộc chỉ có 03 TTHC vẫn thực hiện tốt, phù hợp thực tế nên không đề xuất đơn giản hóa; chưa thực hiện được việc bố trí cơ cấu số lượng lãnh đạo phòng và tương đương theo đúng quy định.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2024

1. Tiếp tục xây dựng, ban hành các kế hoạch, văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cho các phòng, đơn vị, cán bộ, công chức thuộc Ban triển khai các nhiệm vụ thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024.

2. Thường xuyên triển khai rà soát thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý trong phạm vi toàn ngành; phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh làm tốt công tác rà soát các thủ tục hành chính, cập nhật những thủ tục hành chính có liên quan đến công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh.

3. Tiếp tục tăng cường xem xét cải tiến, duy trì áp dụng tốt việc giải quyết TTHC, hệ thống ISO 9001:2015 trong hoạt động công vụ, ứng dụng công nghệ thông tin, thường xuyên cập nhật tin, bài liên quan đến công tác cải cách hành chính lên Cổng thông tin điện tử của Ban.

4. Thực hiện tốt công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ, năng lực; đề cao trách nhiệm và đạo đức công vụ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo, điều hành và thực thi công vụ của công chức. Thực hiện công tác luân chuyển, bổ nhiệm, công tác đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá và khen thưởng cán bộ theo quy định.

Trên đây là báo cáo kết quả cải cách hành chính nhà nước năm 2023; Ban Dân tộc tổng hợp, báo cáo./.

Nơi nhận:
- Sở Nội vụ;
- *cchc_snv@bacgiang.gov.vn;*
- Lãnh đạo Ban;
- Các phòng chuyên môn, đơn vị;
- Lưu: VT, HCTH.

TRƯỞNG BAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BAN DÂN TỘC
TỈNH BẮC GIANG

Vi Thanh Quyền

Phụ lục

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA BAN DÂN TỘC NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BDT ngày /12/2023của Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang)

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính								
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)
1	Dân tộc (chính sách đối với Người có uy tín)	01	01	0	0	0	01	0	0	0	0	0
	TỔNG CỘNG	**01**	**01**	**0**	**0**	**0**	**01**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**

Phụ lục III

MẪU BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC CỦA BAN DÂN TỘC

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BDT ngày /9/2023 của Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang)

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo quý III/2022)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
1.	**Công tác chỉ đạo điều hành CCHC**			
1.1	Kế hoạch CCHC			
1.1.1	*Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch*	*Nhiệm vụ*	24	
1.1.2	*Số nhiệm vụ đã hoàn thành*	*Nhiệm vụ*	24	
1.1.3	*Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành*	*Văn bản*	06	
1.2	Kiểm tra CCHC			
1.2.1	*Số cơ quan/đơn vị đã kiểm tra*	*Cơ quan, đơn vị*	04	
1.2.2	*Số UBND cấp xã đã kiểm tra*	*Cơ quan, đơn vị*		
1.2.3	*Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra*	*Vấn đề*	0	
1.2.4	*Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong*	*Vấn đề*	0	
1.3	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.3.1	*Số lượng phiếu khảo sát*	*Số lượng*		

1.3.2	*Hình thức khảo sát*	*Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2*		
1.4	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1		Thực hiện đối thoại lãnh đạo với người có uy tín vào ngày 26/9/2023
2.	**Cải cách thể chế**			
2.1	Số VBQPPL đã tham mưu cấp tỉnh ban hành	Văn bản	0	
2.2	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản		
2.3	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản		
2.4	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản		
2.5	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản		
2.6	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản		
2.7	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3.	**Cải cách TTHC**			
3.1	Thống kê TTHC			
3.1.1.	*Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa*	*Thủ tục*	0	
3.1.2.	*Số TTHC công bố mới*	*Thủ tục*	0	
3.1.3.	*Số TTHC bãi bỏ, thay thế*	*Thủ tục*	0	
3.1.4.	*Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết*	*Thủ tục*	03	
Trong	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục	03	
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục		

đó	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục		
3.2	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	03	
3.3	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1	*Số TTHC liên thông cùng cấp*	*Thủ tục*		
3.3.2	*Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền*	*Thủ tục*	03	
3.3.3	*Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính*	*Thủ tục*	03	
3.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	01	
3.4.1	*Tổng số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong kỳ báo cáo*	*Hồ sơ*	0	
3.4.2	*Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong*	*Hồ sơ*		
3.4.3	*Số hồ sơ TTHC giải quyết trước và đúng hạn*	*Hồ sơ*	01	
4.	**Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**			
4.1	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	*Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập*	*Cơ quan, đơn vị*		
4.1.2.	*Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh*	*Cơ quan, đơn vị*		
Trong đó	*Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh*	*Cơ quan, đơn vị*		
	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	*Cơ quan, đơn vị*		
	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	*Cơ quan, đơn vị*		
	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	*%*		
4.2	Số liệu về biên chế công chức		21	

4.2.1	*Tổng số biên chế được giao trong năm*	*Người*	21	
4.2.2	*Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo*	*Người*	21	
4.2.3	*Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước*	*Người*	3	
4.2.4	*Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo*	*Người*	0	
4.2.5	*Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015*	*%*	10	
5.	**Cải cách chế độ công vụ**			
5.1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức		12	
5.1.1.	*Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định*	*Cơ quan, đơn vị*		
5.1.2.	*Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra*	*Cơ quan, đơn vị*		
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức		0	
5.2.1	*Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)*	*Người*		
5.2.2	*Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.*	*Người*		
5.2.3	*Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.*	*Người*		
5.2.4	*Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).*	*Người*		
5.2.5	*Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.*	*Người*		
5.3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển	Người	0	

5.4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật *(cả về Đảng và chính quyền).*		0	
5.4.1	*Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.*	*Người*		
5.4.2	*Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.*	*Người*		
5.4.3	*Số công chức cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật*	*Người*		
5.4.4	*Số cán bộ, công chức xã bị kỷ luật*	*Người*		
5.4.5	*Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.*	*Người*		
6.	**Cải cách tài chính công**			
6.1	**Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công**	**%**		
6.1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	45.000	
6.1.2	Đã thực hiện	Triệu đồng	7.500	
6.2	**Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương** *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*		-	Không có ĐVSN
6.2.1	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị		
6.2.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
6.2.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	*Đơn vị*		
	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	*Đơn vị*		
	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	*Đơn vị*		

6.2.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Đơn vị		
7.	**Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử**			
	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
7.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	-	Không có mức độ 3
7.1.1	*Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3*	*Thủ tục*		
7.1.2	*Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3*	*Thủ tục*		
7.1.3	*Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến*	*Thủ tục*		
7.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4			
7.2.1	*Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4*	*Thủ tục*	03	
7.2.2	*Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4*	*Thủ tục*	03	
7.2.3	*Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến*	*Thủ tục*	03	
7.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100	
7.3.1	*Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương*	*Thủ tục*	03	
7.3.2	*Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia*	*Thủ tục*	03	
7.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 *(Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)*	%	100%	
7.4.1	*Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)*	*Hồ sơ*		

7.4.2	*Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến*	*Hồ sơ*	01	
7.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	0	Hồ sơ giải quyết của BDT không thu phí
7.5.1	*Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)*	*Thủ tục*		
7.5.2	*Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.*	*Thủ tục*		